

Bản án số: **1502/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 17-9-2020

Về việc ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát.

Bà Lê Thị Nhung.

**- Thư ký phiên tòa:**

Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án  
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:**

Ông Cao Hoàng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 577/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 4345/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020; Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1978; nơi đăng ký thường trú: Số X, đường D, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Căn hộ X1 chung cư X2 đường D1, Phường P1, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1980; địa chỉ: Hoa Kỳ.

(Các đương sự vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:* Bà và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số X3 ngày 07 tháng 9 năm 2000. Giữa bà và ông T đã có với nhau 02 người con chung. Tuy nhiên, vì gặp khó khăn

về kinh tế nên vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, mặc dù đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, tuy sống cùng nhà nhưng hai người không còn quan tâm đến nhau. Đến tháng 5 năm 2019, ông T xuất cảnh sang Hoa Kỳ sinh sống và làm việc. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không hòa hợp để duy trì quan hệ hôn nhân, không thể hàn gắn do cảnh sống mỗi người một nơi nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Nguyễn Hữu T để mỗi người ổn định cuộc sống và thuận tiện chăm lo cho con.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Hữu T có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Hương X, giới tính: Nữ, sinh năm 2001 (đã trưởng thành) và Nguyễn Hữu Minh Tr, giới tính: Nam, sinh ngày 28 tháng 3 năm 2004. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa bà và ông Nguyễn Hữu T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản.

*Tại Văn bản đồng ý giải quyết ly hôn ngày 29 tháng 10 năm 2019 (đã được Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại N, Hoa Kỳ Chứng nhận/Hợp pháp hóa lãnh sự ngày 19 tháng 11 năm 2019), bị đơn ông Nguyễn Hữu T trình như sau:*

Ông thống nhất với các nội dung mà bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày về quan hệ hôn nhân, các mâu thuẫn vợ chồng giữa hai người, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ L có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Hương X, giới tính: Nữ, sinh năm 2001 (đã trưởng thành); Nguyễn Hữu Minh Tr, giới tính: Nam, sinh ngày 28 tháng 3 năm 2004. Bà L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hữu Minh Tr và không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con ông đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa ông và bà Nguyễn Thị Mỹ L không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản.

[2] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; quan hệ tranh chấp của vụ án đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; vụ án có yếu tố nước ngoài Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đều đã có văn bản trình bày ý kiến giao nộp cho Tòa án và đều có đơn xin xét xử vắng mặt; đề nghị mở phiên tòa

xét xử vắng mặt đối với các đương sự. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Theo trình bày của các đương sự thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Hữu T được xác lập trên cơ sở tự nguyện; tuy nhiên, sau khi kết hôn và chung sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do khó khăn về kinh tế; ông Nguyễn Hữu T xuất cảnh sang Hoa Kỳ sinh sống, làm việc nên vợ chồng không có cơ hội giải quyết mâu thuẫn, hòa giải đoàn tụ gia đình. Nguyên đơn có nguyện vọng được ly hôn và bị đơn đồng ý, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Hiện tại, con chung Nguyễn Hữu Minh Tr do bà L chăm sóc, được tạo đủ điều kiện học tập, nơi ở và các điều kiện khác; trẻ Minh Triết có nguyện vọng được sống cùng mẹ và ông Nguyễn Hữu T cũng đồng ý giao con chung cho bà L nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về phần này. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn, bị đơn đều xác định không có, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản sao trích lục kết hôn, bản sao giấy khai sinh; căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn tại bản tự khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Hữu T hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ; nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, điểm c Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét, yêu cầu và ý kiến của các đương sự đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

#### **[2] Về quan hệ hôn nhân:**

Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, bản tự khai của bị đơn; bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số X3 do Ủy ban nhân dân Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 9 năm 2000, có cơ sở để xác định

quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ L với ông Nguyễn Hữu T được xác lập trên cơ sở tự nguyện là hợp pháp.

Theo trình bày của nguyên đơn và bị đơn cuộc sống hôn nhân hạnh phúc trong khoảng thời gian đầu, sau đó, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được do vấn đề kinh tế trong gia đình; ông Nguyễn Hữu T sang Hoa Kỳ sinh sống, làm việc, cuộc sống xa cách dẫn đến hai người không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Hiện tại, bà L và ông Nguyễn Hữu T đều xác định đã không còn tình cảm với nhau, bà Nguyễn Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu ly hôn, ông Nguyễn Hữu T đồng ý.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Hữu T đã phát sinh và không thể giải quyết trong khoảng thời gian dài, cảnh sống mỗi người một nơi, không ai còn ý định hàn gắn, đoàn tụ gia đình thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy có cơ sở để giải quyết cho bà Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

### [3] Về con chung:

Giữa bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Hữu T có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Hương X, giới tính: Nữ, sinh năm 2001 (đã trưởng thành); trẻ Nguyễn Hữu Minh Tr, giới tính: Nam, sinh ngày 28 tháng 3 năm 2004. Bà L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con và ông T đồng ý.

Theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Trong vụ án này, mặc dù các đương sự không hòa giải, thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nhưng nguyên đơn yêu cầu là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên và bị đơn đồng ý; con chung trên 07 tuổi trình bày nguyện vọng được ở với mẹ trường hợp cha mẹ ly hôn. Xét, con chung chưa thành niên đang được bà L nuôi dưỡng, chăm sóc và đảm bảo tốt các điều kiện về học tập, giáo dục để phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, việc tiếp tục giao con chung cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh hiện tại, nguyện vọng của con chung, ý chí của các bên đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[4] Về cấp dưỡng: Do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L là người được giao quyền trực tiếp nuôi con không yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hữu T cấp dưỡng là tự nguyện; bà L có đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không buộc ông Nguyễn Hữu T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Các đương sự cùng trình bày giữa hai người không có nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, không yêu cầu giải quyết về tài sản nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điều c Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84, 85, 107, 121 và 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

Giấy chứng nhận kết hôn số X3 do Ủy ban nhân dân Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 9 năm 2000 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giữa bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Nguyễn Hữu T có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Hương X, giới tính: Nữ, sinh năm 2001 (đã trưởng thành) và Nguyễn Hữu Minh Tr, giới tính: Nam, sinh ngày 28 tháng 3 năm 2004. Giao con chung Nguyễn Hữu Minh Tr cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông Nguyễn Hữu T cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người

trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

## II. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số X6 ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

## III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Bị đơn ông Nguyễn Hữu T cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Phường P, Quận Q, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tuấn**